

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 7 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Thị Ph (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã V, huyện VT, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Th (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thị T, thị trấn B, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/6/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Thị Ph trình bày: Bà và ông Trần Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng bà không còn sống chung với nhau 06 năm. Bà Ph xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông Th. Về con chung: Bà và ông Th có 01 con chung tên Trần Thường D (nam), sinh ngày 25/11/2008, cháu D hiện đang sống với bà Ph. Bà Ph yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung

giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Ph được ly hôn với ông Trần Văn Th; Về con chung: Giao cháu Trần Thường D (nam), sinh ngày 25/11/2008 cho bà Ph nuôi dưỡng, ông Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Thị Ph khởi kiện ông Trần Văn Th yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Th và bà Ph xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông Th và bà Ph phát sinh mâu thuẫn. Bà Ph cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, ông Th không chăm lo cuộc sống gia đình. Bà và ông Th không còn chung sống với nhau đã 06 năm nên bà không còn tình cảm với ông Th. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Th để động viên hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Thường không đến Tòa án. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa ông Th, bà Ph là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Ph, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu D từ nhỏ đã sống chung với gia đình bà Ph, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu Duy do bà Pha trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Duy có nguyện vọng được sống với mẹ. Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của ông Th về yêu cầu con chung. Nên giao cháu D cho bà Ph tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà Ph không có yêu cầu cấp dưỡng nên ông Thường không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này giữa bà Ph và ông Th phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Pha phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Ph được ly hôn với ông Trần Văn Th.

Về con chung: Giao cháu Trần Thường D (nam), sinh ngày 25/11/2008 cho bà Pha nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị Ph phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp theo biên lai số 0014756 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà Ph đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Bảy Ngàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu